

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 197/2017/HNGĐ

NHÂN DANH

Ngày 16/ 8 /2017.

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT

Vụ án: Xin ly hôn.

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH QUẢNG NAM

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Mạnh Dũng.*

- *Hội thẩm nhân dân:*

+ Ông **Trần Mai Khương.**

+ Bà **Nguyễn Thị Xuân.**

- **Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Nga - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện T.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa:** Bà **Nguyễn Thị Trúc Mai**- Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 71/2017/TLST-HNGĐ ngày 20/3/2017 về việc “*Xin ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/QĐ-TA ngày 11.7.2017 giữa các đương sự:

+ *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn C– Sinh năm 1985. Có mặt.

+ *Bị đơn:* Bà Phạm Thị T – Sinh năm 1982. Vắng mặt.

Cùng trú tại: Tổ 13, Thôn Q, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- *Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/3/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Nguyễn C trình bày:*

Ông và bà Phạm Thị T tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và kết hôn vào năm 2012 trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Sau khi cưới nhau vợ chồng ông, bà sống hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên trong cuộc sống chung thường xuyên xảy ra cãi vã nhau. Tháng 3 năm 2014 bà T tự ý dắt con bỏ nhà đi đến cuối năm 2016 mới trở về rồi lại bỏ đi. Trong thời gian bà T đi ông đã nhiều lần khuyên nhủ bà T về nhà nhưng bà T vẫn không về. Đến cuối năm 2016 bà T có về một lần nhưng mâu thuẫn giữa vợ chồng vẫn không được giải quyết, đến đầu tháng 5.2017 bà T lại bỏ nhà đi đến nay không liên lạc gì với ông và gia đình ông. Nay ông thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên ông xin được ly hôn với bà Phạm Thị T.

Về con chung: Ông C và bà T có một con chung tên là Nguyễn Gia B, sinh ngày 18.02.2012 hiện đang sống với bà T. Nguyên vọng của ông là xin được nuôi con và không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông C khai có 01 xe máy nhưng vợ chồng tự giải quyết.

Về nợ chung: Ông C khai vợ chồng có nợ Ngân hàng Nông nghiệp phát triển nông thôn chi nhánh huyện T là 60.000.000 đồng nhưng ông đã trả xong.

- Bị đơn bà Phạm Thị T vắng mặt tại phiên tòa, nhưng tại bản tự khai ngày 20/3/2017 và biên bản hòa giải ngày 27/4/2017 bà T trình bày:

Bà thống nhất với phần trình bày của ông C về tình trạng hôn nhân của vợ chồng, nguyên nhân bà bỏ nhà đi từ tháng 3.2015 là do ông C thường xuyên hành hung bà, nên từ tháng 3/2015 đến nay vợ chồng ly thân, bà đưa con vào thành phố Đ, tỉnh Lâm đồng để làm ăn. Tháng 12.2016 bà đưa con về lại nhà ông C để cho con đi học thì ông C đuổi bà ra khỏi nhà và đưa người phụ nữ khác về sinh sống. Nay ông C xin ly hôn, bà xin được đoàn tụ, nếu ly hôn thì ông C phải xây cho bà một ngôi nhà để bà sinh sống.

Về con chung: Bà và ông C có một con chung tên là Nguyễn Gia B, sinh ngày 18.02.2012 hiện đang sống với bà. Nguyên vọng của bà là xin được nuôi con và yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Bà Thảo khai có 01 xe máy nhưng vợ chồng tự giải quyết

Về nợ chung: Bà T khai vợ chồng có nợ Ngân hàng Nông nghiệp phát triển nông thôn chi nhánh huyện T là 60.000.000 đồng.

* *Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về vụ án:*

Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án đến nay, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ các quy định của pháp luật đảm bảo cho các đương sự thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật, thực hiện việc hòa giải và giải quyết vụ án theo đúng quy định. Đối với nguyên đơn đã chấp hành và tuân thủ theo quy định pháp luật, về phía bị đơn sau khi làm việc với Tòa án vào ngày 27.4.2017, bị đơn không chấp hành các thông báo của Tòa án và không tham gia các phiên hòa giải và phiên tòa ngày 27/8/2017 và phiên tòa hôm nay. Tòa án đã tiến hành niêm yết theo thủ tục chung theo quy định của pháp luật. Nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt là đúng pháp luật.

Về nội dung: Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên Tòa, thì thấy cuộc sống chung của ông C và bà T hiện nay không có hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng không thể tiếp tục chung sống, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, ông C xin ly hôn với bà T là có cơ sở chấp nhận. Đối với con chung là Nguyễn Gia B, sinh ngày 18.02.2012 cần xem xét giao cho bà T nuôi vì cháu hiện đang ở với bà T ổn định, tại phiên Tòa ông C thống nhất cấp dưỡng cho cháu Nguyễn Gia B mỗi tháng 2.000.000 đồng nên đề nghị HĐXX chấp nhận mức cấp dưỡng này. Về tài sản chung cả hai bên khai có một xe máy nhưng không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về nợ chung: ông C và bà T có nợ Ngân hàng Nông nghiệp phát triển nông thôn chi nhánh huyện T là 60.000.000 đồng nhưng ông C đã trả xong nên không xét.

Do vậy, đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật HNGĐ năm 2014 xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông C và giao con chung là Nguyễn Gia B cho bà T nuôi đến 18 tuổi.

NHÂN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về thủ tục tố tụng: Bà Phạm Thị T là bị đơn trong vụ án, mặc dù đã được Tòa triệu tập hợp lệ nhưng bà T vẫn vắng mặt trong các lần hòa giải cũng như phiên tòa ngày 28/7/2017 và phiên tòa hôm nay, Tòa án đã tiến hành niêm yết theo thủ tục chung theo qui định của pháp luật. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Phạm Thị T là đúng pháp luật .

[2]Về nội dung vụ án: Ông Nguyễn C và bà Phạm Thị T kết hôn năm 2012 hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc hoặc lừa dối và có đăng ký kết hôn vào năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn nên hôn nhân của ông, bà đúng pháp luật. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do trong quá trình chung sống vợ chồng tính tình không hợp, nên thường xuyên xảy ra cãi vã, hiện ông C và bà T đã ly thân từ tháng 3/2015 đến tháng 12/2016, bà T hiện nay đã đi khỏi địa phương, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng không thể tiếp tục chung sống, tình cảm vợ chồng giữa ông C và bà T không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, có cơ sở chấp nhận đơn xin ly hôn của ông C với bà T là phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014.

[3]Về con chung: Ông Nguyễn C và bà Phạm Thị T có một con chung là Nguyễn Gia B, sinh ngày 18.02.2012. Tại bản trình bày và tại phiên Tòa ông C yêu cầu được nuôi con chung đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con, còn bà T cũng có nguyện vọng được nuôi con chung và yêu cầu ông C cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000 đồng. Xét cháu B hiện đang ở với bà T ổn định nên yêu cầu xin nuôi con của bà T là có căn cứ pháp luật nên xử giao con chung Nguyễn Gia B, sinh ngày 18.02.2012 cho bà T nuôi dưỡng đến 18 tuổi là phù hợp.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Phạm Thị T yêu cầu ông Nguyễn C cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Nguyễn Gia B mỗi tháng 2.000.000 đồng, ông C chấp nhận yêu cầu này của bà T, nên buộc ông C chịu trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Gia B, mức cấp dưỡng mỗi tháng là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi trưởng thành. Thời điểm cấp dưỡng từ ngày 01/8/2017. Ông C có quyền gặp gỡ thăm nom con chung không ai được quyền cản trở.

[5]Về tài sản chung: Bà Phạm Thị T và ông Nguyễn C đều khai có một xe máy nhưng không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[6]Về nợ chung: Về nợ chung: ông C và bà T có nợ Ngân hàng Nông nghiệp phát triển nông thôn chi nhánh huyện T là 60.000.000 đồng nhưng đã trả xong nên không xét.

[7]Về án phí: Xử buộc ông Nguyễn C và bà Phạm Thị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81 và Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu về việc xin ly hôn của ông Nguyễn C, cho ông Nguyễn C và bà Phạm Thị T ly hôn.

2. Về con chung: Ông Nguyễn C và bà Phạm Thị T có một con chung là Nguyễn Gia B, sinh ngày 18.02.2012. Giao cho bà Phạm Thị T nuôi cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 18.02.2012 đến 18 tuổi trưởng thành. Ông C có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Buộc ông Nguyễn C phải cấp dưỡng nuôi con hàng tháng cho cháu Nguyễn Gia B, mức cấp dưỡng mỗi tháng là 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi trưởng thành. Thời điểm cấp dưỡng từ ngày 1/8/2017.

4. Về án phí: Xử buộc ông Nguyễn C phải chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng y*) án phí LHST và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, tiền án phí được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng y*) mà ông C đã nộp theo biên lai thu số 0020205 ngày 20/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Ông C còn phải chịu án phí 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng y*).

Án xử sơ thẩm công khai báo cho nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận trích sao bản án hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các cơ quan tiến hành tố tụng
- Những người tham gia tố tụng
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký tên, đóng dấu)

Trần Mạnh Dũng